



CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6

Số 37 (01/6/2007)

MỤC LỤC

| Ngày ban hành | Trích yếu nội dung | Trang |
|----------------------------------|---|-------|
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ | | |
| 15-5-2007 | - Quyết định số 2170/QĐ-UBND về ban hành tạm thời đơn giá công tác kiểm định thử tải cầu đường bộ khu vực thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 16-5-2007 | - Quyết định số 2191/QĐ-UBND về phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007. | 8 |
| 16-5-2007 | - Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh. | 18 |
| 22-5-2007 | - Quyết định số 77/2007/QĐ-UBND về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 28 |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 | | |
| 16-5-2007 | - Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8. | 30 |

- 17-5-2007 - Chỉ thị số 05/2007/CT-UBND về việc chấn chỉnh và chấp hành các quy định của Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn quận 8. 37

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 09-5-2007 - Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn. 42
- 14-5-2007 - Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ. 54

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2170/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành tạm thời đơn giá công tác kiểm định thử tải
cầu đường bộ khu vực thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01 tháng 4 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2005/TT-BXD ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xây dựng ca máy và thiết bị thi công; Thông tư số 03/2006/TT-BXD ngày 22 tháng 5 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn bổ sung một số nội dung của các Thông tư số 02/2005/TT-BXD, Thông tư số 04/2005/TT-BXD và Thông tư số 06/2005/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 146/BXD-KTTC ngày 25 tháng 01 năm 2006 của Bộ Xây dựng về định mức đơn giá thử tải cầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1692/SXD-QLKTXD ngày 16 tháng 3 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời kèm theo Quyết định này, đơn giá công tác kiểm định

thử tải cầu đường bộ khu vực thành phố Hồ Chí Minh, nêu trong phụ lục đính kèm.

1. Đơn giá công tác kiểm định thử tải cầu đường bộ là cơ sở để quản lý chi phí khảo sát kiểm định thử tải các công trình cầu đường bộ thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giám đốc Sở Giao thông - Công chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đơn giá nói trên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, các đơn vị cần phản ánh cho Sở Xây dựng để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Giám đốc Sở Xây dựng phối hợp với Sở Giao thông - Công chính tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đơn giá, báo cáo Bộ Xây dựng để được xem xét ban hành chính thức trong năm 2007.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH THỦ TẢI CẦU ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Công tác thị sát, thu thập số liệu, lập đề cương kiểm định thủ tải cầu:

Thành phần công việc:

- Thị sát công trình;
- Thu thập số liệu và tài liệu kỹ thuật liên quan về công trình;
- Lập báo cáo đánh giá sơ bộ và kiến nghị quy mô kiểm định thủ tải;
- Khảo sát, đo vẽ hiện trạng công trình: bố trí xung quanh mặt bằng công trình, kích thước hình bao các hạng mục kết cấu và quan hệ vị trí giữa các hạng mục kết cấu, các khuyết tật và các vết nứt của kết cấu, các biến dạng khác của kết cấu;
- Khảo sát các công trình hạ tầng kỹ thuật khác có liên quan trong phạm vi công trình (nếu có);
- Lập đề cương kiểm định thủ tải.

Đơn vị tính: Đồng/cầu

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|--|----------|-----------|-----------|-----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| | Thị sát, thu thập số liệu, lập đề cương kiểm định thủ tải cầu: | | | | |
| KĐTT.11 | - Chiều dài cầu $L < 25$ m | 10.831 | 375.637 | 535.265 | 1.255.760 |
| KĐTT.12 | - Chiều dài cầu $25m \leq L < 40m$ | 11.776 | 490.823 | 791.967 | 1.736.431 |
| KĐTT.13 | - Chiều dài cầu $L \geq 40m$ | 14.263 | 633.764 | 1.040.328 | 2.259.908 |

2. Vẽ sơ đồ quy định vị trí tải và điều động tải trọng đo:

Thành phần công việc:

- Dùng sơn vẽ các sơ đồ quy định vị trí đặt tải và di chuyển;
- Điều động tải ra vào để đo.

Đơn vị tính: Đồng/01m² thầu tải

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|---|----------|-----------|-----|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.2 | Vẽ sơ đồ quy định vị trí tải và điều động tải trọng đo. | 707 | 9.002 | | 16.971 |

3. Đo dao động bằng thiết bị đo kỹ thuật số:

Thành phần công việc:

- Xác định vị trí gắn điểm đo dao động tại hiện trường và đánh dấu vị trí điểm đo dao động bằng sơn màu;
- Xác định và bố trí vị trí gậy dao động.
- Xử lý bề mặt các vị trí đo và gắn thiết bị đo đúng vị trí, đúng kỹ thuật;
- Thao tác đo đặc dao động và ghi nhận số liệu kết quả đo (mỗi điểm đo tiến hành 03 lần);
- Tháo dỡ thu hồi thiết bị.

Đơn vị tính: Đồng/điểm đo

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|--|----------|-----------|---------|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.3 | Đo dao động bằng thiết bị đo kỹ thuật số | | 21.004 | 276.848 | 331.309 |

4. Đo ứng suất biến dạng với tải trọng di động:

Thành phần công việc:

- Xác định vị trí gắn điểm đo ứng suất biến dạng và đánh dấu bằng sơn màu;
- Xử lý bề mặt các vị trí đo và gắn các thiết bị đo đúng vị trí, đúng kỹ thuật;
- Tháo dỡ thu hồi thiết bị.

Đơn vị tính: Đồng/điểm đo

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|---|----------|-----------|---------|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.4 | Đo ứng suất biến dạng với tải trọng di động | 94.920 | 32.257 | 212.910 | 384.426 |

5. Đo ứng suất biến dạng với tải trọng tĩnh:

Thành phần công việc:

- Xác định vị trí gắn điểm đo ứng suất biến dạng và đánh dấu bằng sơn màu;

- Xử lý bề mặt các vị trí đo và gắn các thiết bị đo đúng vị trí, đúng kỹ thuật;
- Thao tác đo ứng suất và ghi nhận số liệu kết quả đo;
- Tháo dỡ thu hồi thiết bị (bỏ điện trở dán).

Đơn vị tính: Đồng/điểm đo

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|--|----------|-----------|---------|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.5 | Đo ứng suất biến dạng với tải trọng tĩnh | 124.845 | 27.756 | 186.586 | 380.132 |

6. Đo chuyển vị với tải trọng tĩnh:

Thành phần công việc:

- Xác định vị trí gắn điểm đo chuyển vị và đánh dấu bằng sơn màu;
- Xử lý bề mặt các vị trí đo và gắn các thiết bị đo đúng vị trí, đúng kỹ thuật;
- Thao tác đo chuyển vị và ghi nhận kết quả đo;
- Tháo dỡ thu hồi thiết bị đo.

Đơn vị tính: Đồng/điểm đo

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|---------------------------------|----------|-----------|--------|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.6 | Đo chuyển vị với tải trọng tĩnh | 81.165 | 27.756 | 52.500 | 191.700 |

7. Đo độ võng với tải trọng tĩnh:

Thành phần công việc:

- Xác định vị trí gắn điểm đo độ võng và đánh dấu bằng sơn màu;
- Xử lý bề mặt các vị trí đo và gắn các thiết bị đo đúng vị trí, đúng kỹ thuật;
- Thao tác đo độ võng và ghi nhận kết quả đo;
- Tháo dỡ thu hồi thiết bị đo.

Đơn vị tính: Đồng/điểm đo

| Mã hiệu | Nội dung công việc | Đơn giá | | | |
|---------|-------------------------------|----------|-----------|--------|----------|
| | | Vật liệu | Nhân công | Máy | Tổng hợp |
| KĐTT.7 | Đo độ võng với tải trọng tĩnh | 81.165 | 27.756 | 92.458 | 234.056 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2191/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đấu thầu trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung;

Căn cứ Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007;

Căn cứ Công văn số 3614/BTC/TCNH ngày 15 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính về phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007;

Căn cứ Công văn số 171/HĐND-VP ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về đồng ý phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4608/STC-NS ngày 15 tháng 5 năm 2007 về phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đô thị năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt phương án phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 như đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển đô thị, Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ NĂM 2007

Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2007 của thành phố có thể tóm tắt như sau:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ 12,2% đến 12,5%;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô tăng trên 15%;
- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 74.500 tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố 77.959,5 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 41.069,5 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương 15.710,902 tỷ đồng;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 4,6%;
- Giải quyết việc làm cho 250.000 lao động, trong đó tạo 110.000 việc làm mới, phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 5,6%;
- Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố đạt trên 87%;
- Số lượt người sử dụng phương tiện giao thông vận tải hành khách công cộng đạt 370 triệu lượt người.

Để thực hiện các mục tiêu trên, trong năm 2007, ước tính nhu cầu đầu tư từ nguồn vốn ngân sách thành phố vào khoảng 13.000 tỷ đồng, trong khi khả năng tự cân đối vốn từ ngân sách thành phố vào khoảng 3.000 tỷ đồng, do đó cần **huy động thêm từ các nguồn 10.000 tỷ đồng**.¹

Ủy ban nhân dân thành phố cần phải triển khai đồng bộ nhiều phương thức khác nhau để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Trong đó, tiếp tục vận dụng phương thức phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh - với các nội dung cơ bản như sau:

1. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh là loại trái phiếu đầu tư được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát hành nhằm huy động vốn để bổ sung vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch hàng năm của ngân sách thành phố.

2. GIỚI THIỆU VỀ TRÁI PHIẾU

1) *Tên gọi của trái phiếu*: TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

¹ Theo Nghị quyết số 72/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách thành phố năm 2007.

2) *Trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh* (sau đây gọi tắt là trái phiếu đô thị) là một loại chứng khoán, có thời hạn từ 01 năm trở lên, có mệnh giá, có lãi, xác nhận nghĩa vụ trả nợ của chính quyền thành phố Hồ Chí Minh đối với người sở hữu trái phiếu.

Chủ thể phát hành là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức phát hành là Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền thực hiện toàn bộ các nghiệp vụ trong quy trình phát hành trái phiếu đô thị.

3. CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ

1) Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

2) Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc đấu thầu phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung;

3) Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

4) Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh;

5) Thông tư số 54/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh;

6) Quyết định số 66/2004/QĐ-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hướng dẫn về trình tự, thủ tục phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;

7) Quyết định số 1909/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng sử dụng một số loại trái phiếu trong giao dịch tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước;

8) Nghị quyết số 75/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007.

4. KHỐI LƯỢNG, KỶ HẠN TRÁI PHIẾU VÀ TIẾN ĐỘ PHÁT HÀNH

Khối lượng phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2007 là 2.000 tỷ đồng, đảm bảo không vượt mức vốn được phép huy động theo quy định của Chính phủ.

Với mục đích xác định kỳ hạn của trái phiếu đô thị cho phù hợp với thời hạn đầu tư của các dự án phát triển hạ tầng, đồng thời giảm bớt áp lực hoàn trả nợ của ngân sách trong tương lai, dự kiến khối lượng, kỳ hạn và tiến độ phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2007 như sau:

1) Về cơ cấu:

Năm 2006 khối lượng trái phiếu đô thị kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm được phát hành lần lượt là 850 tỷ đồng, 525 tỷ đồng và 625 tỷ đồng. Nhằm mục đích hạn chế áp lực hoàn trả nợ cho ngân sách trong ngắn hạn và huy động vốn phù hợp với thời hạn đầu tư của các công trình cơ sở hạ tầng của thành phố, dự kiến thành phố sẽ tập trung ưu tiên phát hành loại trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm thay vì loại kỳ hạn 5 năm. Do đó, trái phiếu đô thị phát hành trong năm 2007 phân đấu đạt được cơ cấu như sau:

- Kỳ hạn 5 năm: Dự kiến khối lượng phát hành chiếm 30% tổng khối lượng phát hành, tương đương 600 tỷ đồng.
- Kỳ hạn 10 năm và 15 năm: Dự kiến khối lượng phát hành chiếm 70% tổng khối lượng phát hành, tương đương 1.400 tỷ đồng.

2) Về tiến độ phát hành: Việc phát hành trái phiếu đô thị năm 2007 sẽ được triển khai theo từng đợt, tiến độ phát hành cụ thể sẽ do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh và Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh thỏa thuận quyết định. Dự kiến đợt phát hành trái phiếu đô thị năm 2007 đầu tiên sẽ được thực hiện vào giữa quý II năm 2007.

5. HÌNH THỨC TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

Trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh được phát hành dưới dạng:

- *Bút toán ghi sổ*: đối với các tổ chức tài chính, ngân hàng, các pháp nhân kinh tế.
- *Chứng chỉ trái phiếu - có hoặc không ghi tên*: đối với đối tượng mua là các thể nhân hoặc các đối tượng khác có nhu cầu.

6. MỆNH GIÁ TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

Mệnh giá tối thiểu của trái phiếu đô thị là 100.000 đồng. Các mệnh giá khác là bội số của 100.000 đồng.

7. LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

- Lãi suất trái phiếu đô thị năm 2007 là loại lãi suất cố định trong suốt kỳ hạn của trái phiếu, lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ một năm một lần, không tính nhập gốc.

- Tùy thuộc thời hạn trái phiếu, thời điểm phát hành trong năm 2007, mức lãi suất trái phiếu đô thị sẽ được xác định cụ thể ở mỗi đợt phát hành như sau:

- Trường hợp phát hành theo phương thức đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định lãi suất cụ thể cho từng loại kỳ hạn, từng phương thức phát hành trên cơ sở giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định và mặt bằng lãi suất thực tế của trái phiếu Chính phủ có cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành.

- Trường hợp phát hành theo phương thức đấu thầu: lãi suất được hình thành theo kết quả đấu thầu trong phạm vi mặt bằng lãi suất thực tế của trái phiếu Chính phủ cùng kỳ hạn tại thời điểm phát hành cộng giới hạn biên độ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

8. ĐỐI TƯỢNG MUA TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

Đối tượng được tham gia mua trái phiếu là:

- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế của Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Các tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Các công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài làm việc và sinh sống hợp pháp tại Việt Nam.

Dự kiến trong năm 2007, trái phiếu đô thị được phát hành cho các đối tượng chủ yếu là các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính, các công ty bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, công ty quản lý quỹ...

9. QUYỀN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2003 về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

- Được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu khi đến hạn;
- Được dùng trái phiếu để bán, tặng, cho, thừa kế, cầm cố và chiết khấu;
- Được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán;
- Quyền lợi được miễn giảm thuế thu nhập từ lợi tức trái phiếu đối với cá nhân, tổ chức sở hữu trái phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Đối với các tổ chức tín dụng: được sử dụng trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh trong các giao dịch tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định số 1909/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

10. PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH

Việc phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 được thực hiện theo các phương thức như sau:

a) Phương thức bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành thông qua các công ty chứng khoán, các ngân hàng, các tổ chức tài chính tín dụng có chức năng theo quy định tại Quyết định số 88/QĐ-BTC ngày 09 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh sách thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2007, cụ thể như sau:

Các ngân hàng thương mại

1. Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
2. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
3. Ngân hàng Công thương Việt Nam
4. Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà thành phố Hồ Chí Minh
5. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín
6. Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam
7. Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam
8. Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam
9. Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long
10. Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội
11. Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình

12. Ngân hàng ANZ Việt Nam
13. Ngân hàng Citibank, N.A, chi nhánh Hà Nội
14. Ngân hàng Standard Chartered, chi nhánh Hà Nội
15. Deutsche Bank, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
16. Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải, chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Các công ty chứng khoán

1. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
2. Công ty TNHH chứng khoán Thăng Long
3. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương
4. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5. Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt
6. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Công thương
7. Công ty cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
8. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
9. Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn
10. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội
11. Công ty cổ phần chứng khoán An Bình

Các tổ chức đại lý phát hành khác

1. Công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện
2. Công ty tài chính công nghiệp tàu thủy

Và các thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

b) Phương thức đấu thầu từng đợt, với các hình thức đấu thầu cạnh tranh và đấu thầu không cạnh tranh thông qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung, có giá bán ngang mệnh giá. Nội dung triển khai sẽ căn cứ theo các quy định tại Thông tư số 21/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 24 tháng 3 năm 2004 về việc hướng dẫn đấu thầu trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán tập trung.

Việc vận dụng các phương thức phát hành nêu trên sẽ được xác định và chi tiết

hóa đối với từng đợt phát hành cụ thể trong năm 2007 trên cơ sở thỏa thuận giữa Sở Tài chính thành phố và tổ chức phát hành.

11. CHI PHÍ PHÁT HÀNH VÀ THANH TOÁN TRÁI PHIẾU ĐÔ THỊ

Thực hiện theo Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc đấu thầu phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung và Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương, kinh phí phát hành, thanh toán trái phiếu bao gồm:

- Chi phí về in chứng chỉ trái phiếu và bảo quản, lưu trữ trái phiếu;
- Mức phí đại lý phát hành tối đa là 0,1% trên tổng số tiền trái phiếu đã bán cho các nhà đầu tư;
- Mức phí bảo lãnh phát hành bằng 0,15% trên tổng trị giá nhận bảo lãnh;
- Kinh phí tổ chức đấu thầu trái phiếu bằng 0,15% trên tổng trị giá trái phiếu trúng thầu;
- Mức phí đại lý thanh toán trái phiếu bằng 0,1% trên tổng số tiền gốc lãi trái phiếu thực thanh toán;
- Riêng đối với chi phí về công tác quản lý và tổ chức thực hiện phát hành, thanh toán trái phiếu, giám sát sử dụng vốn từ trái phiếu được tính bằng 0,2% trên doanh số phát hành, theo Điều 13, Quyết định số 96/2003/QĐ-UB ngày 12 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế phát hành trái phiếu đô thị thành phố Hồ Chí Minh.

Ước tính chi phí phát hành và thanh toán trái phiếu (không bao gồm chi phí in ấn chứng chỉ trái phiếu, bảo quản, lưu trữ trái phiếu) tối đa là 10,92 tỷ đồng.

12. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Trả gốc: được hoàn trả 01 lần khi đáo hạn cho từng đợt phát hành.
- Trả lãi trái phiếu: được thanh toán sau theo định kỳ 01 năm/lần, tùy theo loại trái phiếu đô thị được phát hành.

Trường hợp đến hạn trả lãi, chủ sở hữu trái phiếu không đến nhận thì lãi trái phiếu sẽ được bảo lưu, không tính nhập gốc.

13. NGUỒN VỐN THANH TOÁN VỐN VÀ LÃI

Nguồn vốn thanh toán lãi và vốn gốc trái phiếu đô thị là từ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh.

Giả định cơ cấu phát hành với mức lãi suất đã thực hiện thành công cho các loại trái phiếu kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm trong năm 2006 (đây là mức lãi suất phát hành trái phiếu đô thị được Bộ Tài chính quy định vào tháng 08 năm 2006) như sau:

- Kỳ hạn 5 năm: khối lượng phát hành là 600 tỷ đồng, lãi suất 9,05%/năm
- Kỳ hạn 10 năm: khối lượng phát hành là 700 tỷ đồng, lãi suất 9,25%/năm
- Kỳ hạn 15 năm: khối lượng phát hành là 700 tỷ đồng, lãi suất 9,55%/năm

Ước tính tiến độ thanh toán vốn và lãi trái phiếu qua các năm như sau:

| Thời gian | Ngân sách thanh toán | |
|------------------|-------------------------|----------------------|
| | Lãi | Vốn |
| Năm 2008 | 185,90 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2009 | 185,90 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2010 | 185,90 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2011 | 185,90 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2012 | 185,90 tỷ đồng | 600 tỷ đồng |
| Năm 2013 | 131,60 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2014 | 131,60 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2015 | 131,60 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2016 | 131,60 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2017 | 131,60 tỷ đồng | 700 tỷ đồng |
| Năm 2018 | 66,85 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2019 | 66,85 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2020 | 66,85 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2021 | 66,85 tỷ đồng | 0 tỷ đồng |
| Năm 2022 | 66,85 tỷ đồng | 700 tỷ đồng |
| Tổng cộng | 1.921,75 tỷ đồng | 2.000 tỷ đồng |

Tổng hợp chi phí huy động 2.000 tỷ đồng trái phiếu đô thị năm 2007 theo như giả định trên sẽ là 1.932,67 tỷ đồng. Trong đó, phần lãi trái phiếu là 1.921,75 tỷ đồng, chi phí phát hành tối đa là 10,92 tỷ đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 08 tháng 6 năm 2000; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 117/2005/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 99/SKHCN-KHTC ngày 31 tháng 01 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 243/TTr-SNV ngày 29 tháng 3 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ là tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng hỗ trợ triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong nước, các kết quả nghiên cứu có triển vọng thành sản phẩm có tiềm năng thương mại và thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ phục vụ phát

triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố để hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ.

Trụ sở của Quỹ đặt tại Sở Khoa học và Công nghệ thành phố, số 244 Điện Biên Phủ, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Bộ máy quản lý điều hành của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát; cơ quan điều hành Quỹ và Hội đồng Thẩm định xét chọn hỗ trợ đầu tư.

Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký hợp đồng ủy thác quản lý tài chính của Quỹ cho Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố (HIFU) là cơ quan điều hành Quỹ. Hội đồng Thẩm định xét chọn hỗ trợ đầu tư do Hội đồng quản lý Quỹ ra quyết định thành lập đối với từng hồ sơ xét chọn đầu tư.

Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan điều hành Quỹ bảo đảm thực hiện các yêu cầu quản lý, điều hành tổ chức và hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu, hiệu quả kinh tế - xã hội và các quy định có liên quan của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố (sau đây gọi tắt là Quỹ) trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

2. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Ho Chi Minh City Fund for Science and Technology Development, viết tắt là HCM-FOSTED.

Điều 2. Tính chất và mục đích hoạt động

1. Quỹ hoạt động vì mục đích bảo toàn vốn, bù đắp chi phí và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong nước, các kết quả nghiên cứu có triển vọng thành sản phẩm có tiềm năng thương mại và thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của sản xuất phục vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau

1. Vốn hoạt động của Quỹ là 50 (năm mươi) tỷ đồng, được cấp từ ngân sách Nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố theo kế hoạch và chương trình hoạt động của Quỹ được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; sau 3 năm hoạt động, hàng năm khi cần thiết và theo đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ xem xét phê duyệt cấp vốn bổ sung để bù đắp các khoản tài trợ không hoàn lại nhằm đảm bảo hoạt động của Quỹ.

Vốn cấp bổ sung cho các khoản để tài trợ không hoàn lại của Quỹ, từ ngân sách thành phố được hình thành từ khoản kinh phí thu hồi từ các dự án sản xuất thử nghiệm, các chương trình, các đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ và từ các nguồn ngân sách hợp pháp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Các khoản thu từ hoạt động của Quỹ.

4. Các nguồn khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng được tài trợ, vay vốn

1. Các đối tượng sau đây thuộc diện xem xét cho vay và tài trợ một phần:

a) Các dự án tạo ra công nghệ mới thuộc những ngành, lĩnh vực mà thành phố ưu tiên, khuyến khích, do doanh nghiệp thực hiện hoặc phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện và chưa hưởng tài trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

b) Các dự án nhằm mục đích thương mại hóa các công trình nghiên cứu khoa học đoạt giải thưởng tại các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố và Quốc gia.

c) Các công trình đã được cấp bằng phát minh sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

d) Các dự án của doanh nghiệp công nghệ được tạo dựng từ các vườn ươm công nghệ trên địa bàn thành phố.

2. Quỹ cho vay vốn để thực hiện

a) Các dự án sản xuất thử nghiệm nhằm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu có triển vọng, hiệu quả kinh tế thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu của các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, các đơn vị khoa học và các doanh nghiệp.

b) Các dự án sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ chế tạo thiết bị hiện đại với chi phí thấp thay thế nhập khẩu của chương trình chế tạo thiết bị từ nghiên cứu trong nước đã qua giai đoạn sản xuất máy mẫu.

c) Chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm mới có chất lượng cao hơn.

Điều 5. Điều kiện tài trợ, vay vốn

1. Tổ chức, cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế vay vốn của Quỹ để

thực hiện các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ phải tuân theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ cho vay với lãi suất ưu đãi, không cần tài sản thế chấp mà căn cứ vào năng lực công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và hợp đồng sản phẩm đã có; Tài trợ hoặc hoàn lại 1 phần tùy theo tính chất của dự án.

3. Các dự án vay từ Quỹ không được trùng lặp với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn khác của Nhà nước.

4. Tổ chức, cá nhân xin tài trợ, vay vốn của Quỹ phải có dự án được lập theo mẫu quy định của Quỹ.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ sẽ thành lập các Hội đồng Thẩm định xét chọn công khai, dân chủ, đối với từng dự án, công trình cụ thể. Hội đồng Thẩm định có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản lý Quỹ về khả năng thực thi của tổ chức, cá nhân nhận vay vốn hoặc tài trợ.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn quy định tại Điều 3 của Điều lệ này; sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn vốn.

2. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

3. Ban hành các quy định phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

4. Chấp hành các quy định của Điều lệ Quỹ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Tổ chức thẩm định và quyết định tài trợ, cho vay, thu hồi vốn và lãi vay đối với các dự án được tài trợ, vay vốn.

7. Kiểm tra việc thực hiện các dự án nhận tài trợ, vay vốn.

8. Đình chỉ việc cho vay hoặc thu hồi kinh phí đã cho vay khi phát hiện tổ chức, cá nhân vay vốn vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ.

9. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

10. Quan hệ với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ hoặc ủy thác cho Quỹ tài trợ cho vay để thực hiện các dự án khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Sử dụng vốn hoạt động

1. Tài trợ không thu hồi để thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 4 của Điều lệ này:

a) Tài trợ một phần cho việc thực hiện các dự án tạo ra công nghệ mới thuộc những ngành nghề, lĩnh vực mà thành phố ưu tiên khuyến khích, do doanh nghiệp thực hiện hoặc phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Điều lệ này);

b) Tài trợ một phần hay toàn bộ cho việc triển khai các dự án nhằm mục đích thương mại hóa các công trình nghiên cứu khoa học đoạt giải thưởng tại các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật thành phố và quốc gia và các công trình đã được đăng ký sở hữu trí tuệ (quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 4 của Điều lệ này);

c) Mức tài trợ cho mỗi dự án không quá 30% tổng kinh phí thực hiện và không quá 5 tỷ đồng trong thời gian tối đa là 3 năm;

d) Phần kinh phí tài trợ không thu hồi quy định tại khoản này không được vượt quá phần vốn bổ sung hàng năm của ngân sách thành phố cho Quỹ để tài trợ không hoàn lại, tổng kinh phí tài trợ không quá 10% ngân sách Quỹ.

2. Cho vay lãi suất thấp hơn mức lãi suất của ngân hàng thương mại tại thời điểm cho vay hoặc không lấy lãi để thực hiện dự án quy định tại khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này.

a) Tổ chức, cá nhân được vay vốn của Quỹ không phải thế chấp tài sản trong trường hợp dự án được Hội đồng Thẩm định của Quỹ đánh giá có tính khả thi cao và chủ dự án có đủ điều kiện cần thiết để thực hiện dự án.

b) Các mức lãi suất cho vay ưu đãi sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định và công bố trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thẩm định dự án.

3. Chi cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định.

Điều 8. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, gồm có: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, các Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và các thành viên. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm.

- Các Phó Chủ tịch và các Ủy viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số, trong trường hợp biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Hội đồng họp thường kỳ (01 tháng một lần) để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc chức năng và nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cơ quan điều hành Quỹ hoặc có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- Được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc quản lý và phát triển nguồn vốn của Quỹ.

- Tiếp xúc với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn vốn cho Quỹ; thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ thực hiện, quyết toán tài chính năm, đánh giá hiệu quả đầu tư, xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch hoạt động và hoạch định chiến lược phát triển của Quỹ, phát triển vốn; quyết định thành lập Hội đồng Thẩm định đề tư vấn trong việc xét chọn các hồ sơ xin tài trợ, vay vốn của Quỹ.

- Hội đồng quản lý Quỹ được phép ban hành các chính sách tài trợ, cho vay nhằm quản lý và hạn chế rủi ro với những tiêu chuẩn quản lý và chuẩn mực thẩm định phù hợp (sau khi lấy ý kiến của các sở - ngành có liên quan).

- Giám sát, kiểm tra hoạt động của cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Quy chế hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Được hưởng một khoản phí quản lý (Gồm chi phí hoạt động, tiền phụ cấp cho các thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng Thẩm định) là 1% trên mỗi dự án được duyệt tài trợ hoặc cho vay.

2. Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Hội đồng quản lý Quỹ gồm có từ 3 đến 5 người do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ, chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Thành viên Ban Kiểm soát phải là những người am hiểu về các lĩnh vực quản lý khoa học và công nghệ, tài chính, kế toán, ngân hàng và pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát gồm: Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ về tình hình thực hiện Điều lệ Quỹ, các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Hội đồng Thẩm định:

a) Hội đồng Thẩm định là cơ quan tư vấn cho Hội đồng quản lý Quỹ có từ 5 đến 9 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập để thẩm định các hồ sơ xin tài trợ, vay vốn của Quỹ.

b) Thành viên của Hội đồng Thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý và các nhà khoa học và phải là những người có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn về khoa học, công nghệ và tài chính, có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với dự án xin tài trợ, vay vốn.

c) Hội đồng Thẩm định có nhiệm vụ thẩm định toàn diện về tính khả thi và hiệu quả đầu tư tài chính của hồ sơ xin tài trợ, cho vay. Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các hồ sơ xin tài trợ, vay vốn của Quỹ.

d) Hội đồng Thẩm định được hoạt động theo quy chế riêng do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

4. Cơ quan điều hành Quỹ:

a) Cơ quan được ủy thác điều hành Quỹ là Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố (HIFU).

b) Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm và quyền hạn:

- Được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển đô thị thành phố.

- Tiếp nhận quản lý nguồn vốn ủy thác, cho vay và thu hồi kinh phí theo đúng quy định hoạt động của Quỹ.

- Hướng dẫn các chủ nhiệm các dự án lập hồ sơ, ký kết hợp đồng với các chủ dự án, chịu trách nhiệm giải ngân phù hợp với hợp đồng kinh tế, hợp đồng khoa học và công nghệ (theo luật về hợp đồng và Luật Khoa học và công nghệ) và dự án được duyệt.

- Giải ngân kịp thời và đúng quy định của Điều lệ này và theo đúng quy trình do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

- Hàng quý, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ tình hình cho vay và thu hồi nợ vay.

- Tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ tạm dừng hoặc thu hồi kinh phí cấp trước thời hạn, các trường hợp sau:

+ Chủ dự án đầu tư sai mục đích hoặc trái với chế độ tài chính của Nhà nước.

+ Chủ dự án sử dụng kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ khoa học của đơn vị có dấu hiệu không lành mạnh.

- Được phép hưởng một khoản phí quản lý ủy thác trên số dư nợ vay là 0,07%/tháng.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vay vốn của Quỹ

1. Cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý của đơn vị, của dự án đầu tư và ký kết hợp đồng vay vốn với Quỹ đầu tư.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích đã được Quỹ phê duyệt.

3. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Quỹ, các chế độ do Quỹ quy định.

4. Báo cáo kết quả thực hiện nội dung của dự án theo định kỳ hàng quý.

5. Kết quả thực hiện phải được công bố theo quy định của Quỹ.

Điều 10. Chế độ tài chính, kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

2. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

3. Hàng năm Hội đồng quản lý Quỹ xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ.

5. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức bộ máy của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố và các tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ cho vay vốn có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ này kể từ ngày Điều lệ có hiệu lực.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thông qua Sở Nội vụ, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh bổ sung Điều lệ cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 4 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi);

Căn cứ Thông tư số 153/1998/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3443/TNMT-QLTN ngày 09 tháng 5 năm 2007; Công văn thẩm định của Sở Tư pháp số 852/STP-VB ngày 30 tháng 3 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Tài nguyên nước mặt: 2.000 đồng/m³.
- Tài nguyên nước dưới đất: 4.000 đồng/m³.

Điều 2. Thuế suất và các quy định liên quan đến việc thu thuế tài nguyên nước

được thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đối tượng khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước trên địa bàn thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

QUẬN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2007/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 16 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa
và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa - xã hội; Chỉ thị số 814/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo 814/TTg của thành phố thành Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 8 về việc kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo 814/TTg của quận 8 thành

Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận 8 (tại Công văn số 46/PVHTT ngày 23 tháng 4 năm 2007) và Trưởng Phòng Nội vụ quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ quận 8, Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận 8, Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 8, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đô Lương

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 8)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Chức năng

Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 8 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) là tổ chức phối hợp liên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 8, có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ đạo thực hiện việc quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa; Bài trừ các sản phẩm văn hóa xấu, độc hại, các tệ nạn xã hội; Tuyên truyền giáo dục nhân dân chấp hành pháp luật trên lĩnh vực văn hóa thông tin và phòng, chống các tệ nạn xã hội; Tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin - thể dục thể thao phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Điều 2. Nhiệm vụ

Hoạch định, đề ra những chương trình kế hoạch trọng tâm, trên cơ sở đó chỉ đạo và điều phối thực hiện.

Ngoài những nhiệm vụ chung, từng thành viên trong Ban Chỉ đạo còn tham gia cùng ban lãnh đạo cơ quan mình, tích cực xây dựng và triển khai các công tác có liên quan đến nội dung hoạt động của Ban Chỉ đạo và báo cáo về Ban Chỉ đạo biết để theo dõi chỉ đạo.

Điều 3. Quyền hạn

Tổ chức xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động, tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ 03 tháng, 06 tháng và hàng năm tổ chức hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm xây dựng triển khai chương trình hoạt động thời gian tới. Đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra hoạt động của Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội 16 phường;

Chỉ đạo công tác của các Tổ kiểm tra liên ngành Ban Chỉ đạo, các đơn vị có liên quan và các công việc khác như quản lý - tiêu hủy các tang vật, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật theo quy định của ngành.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 8 gồm có: 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban Thường trực, 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

- Trưởng ban là người chịu trách nhiệm chung.

- Phó Trưởng ban 1: là Thường trực của Ban Chỉ đạo, phụ trách lĩnh vực kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Tổ kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa.

- Phó Trưởng ban 2: Phụ trách lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Tổ kiểm tra liên ngành phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Phó Trưởng ban 3: Phụ trách lĩnh vực tuyên truyền và xây dựng các hoạt động văn hóa, phối hợp chỉ đạo hoạt động văn hóa - thông tin - thể thao.

Trưởng ban và các Phó Trưởng ban cơ cấu thành bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo. Nhiệm vụ của bộ phận thường trực là dự thảo báo cáo, hoạch định chương trình kế hoạch thông qua Ban Chỉ đạo, điều phối thực hiện; Thẩm định các kiến nghị của các Tổ công tác trong việc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm theo Nghị định số 56/2006/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa xã hội và các văn bản pháp luật khác; Điều phối các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo; Duy trì thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Bộ máy

Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8, gồm có 03 Tổ công tác:

5.1. Tổ công tác kiểm tra hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa:

- Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, đột xuất nhằm phát hiện các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa của các tổ chức, cá nhân vi phạm Nghị định số 11/2006/NĐ-CP, Nghị định số 56/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Lập thủ tục hồ sơ chuyển sang các cơ quan chức năng xử lý các vi phạm khi phát hiện.

5.2. Tổ công tác kiểm tra phòng chống tệ nạn xã hội:

- Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, tấn công, truy quét, xử lý các đối tượng tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật, trong đó tập trung chủ yếu vào các đối tượng mại dâm, cờ bạc.

5.3. Tổ công tác tuyên truyền và hoạt động văn hóa:

- Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền vận động rộng rãi các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng Nghị định số 11/2006/NĐ-CP, Nghị định số 56/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Chỉ thị 814/TTg của Thủ tướng Chính phủ và những chủ trương chính sách của Đảng có liên quan đến hoạt động đấu tranh phòng, chống các hoạt động văn hóa không lành mạnh, các tệ nạn xã hội; Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa - vui chơi - giải trí lành mạnh trên địa bàn quận, để nhằm phục vụ cho công tác phòng chống những hoạt động văn hóa không lành mạnh và các tệ nạn xã hội.

Nhân sự của các Tổ công tác nêu trên do các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất và Ủy ban nhân dân quận 8 ra quyết định công nhận.

Chương III

QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LỀ LỜI LÀM VIỆC

Điều 6. Quan hệ làm việc trong Ban Chỉ đạo và các Tổ công tác

6.1. Trưởng Ban Chỉ đạo phụ trách chung.

6.2. Các Phó Ban Chỉ đạo giúp cho Trưởng ban và Ban Chỉ đạo về các công việc, nhiệm vụ theo điểm 3 Điều 4 của Quy chế.

6.3. Các Tổ công tác thuộc Ban Chỉ đạo giúp cho Ban Chỉ đạo về các công việc và nhiệm vụ được phân công theo điểm 1, 2 và 3 Điều 5 của Quy chế.

6.4. Các thành viên trong Ban Chỉ đạo ngoài việc thực hiện nhiệm vụ như Điều 2 của Quy chế còn được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công phụ trách địa bàn phường.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt và hội họp

7.1. Các Tổ công tác và bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo mỗi tháng họp 1 lần để kiểm điểm tình hình hoạt động và bàn chương trình công tác tới (Tổ công tác họp chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo họp chậm nhất vào ngày 25 tháng cuối quý).

7.2. Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 06 tháng họp một lần, vào tuần thứ tư tháng cuối quý II.

7.3. 06 tháng và hàng năm Ban Chỉ đạo có tổ chức hội nghị sơ kết hoạt động đánh giá tình hình hoạt động, khen thưởng và triển khai công tác tới.

7.4. Ngoài những phiên họp định kỳ, khi có những yêu cầu cần thiết thì bộ phận Thường trực Ban Chỉ đạo và các Tổ công tác có tổ chức các cuộc họp đột xuất.

Điều 8. Chế độ báo cáo

8.1. Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận 8 là cơ quan thường trực tiếp nhận tất cả các chương trình công tác và báo cáo kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị và 16 phường. Báo cáo kết quả và chương trình công tác được thực hiện định kỳ, hàng tháng (ngày 20 của tháng), hàng quý (ngày 10 cuối quý), 06 tháng (ngày 20 tháng 6) và năm (ngày 30 tháng 10 hàng năm).

8.2. Cơ quan Thường trực (Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao) và thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo nhiệm vụ theo sự phân công của Ban Chỉ đạo; báo cáo định kỳ cho Thường trực Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân quận 8 để xem xét quyết định các nội dung đánh giá kết quả và chỉ đạo công tác tiếp theo.

Điều 9. Các mối quan hệ công tác

9.1. Đối với Ban Chỉ đạo liên ngành văn hóa - xã hội thành phố: Ban Chỉ đạo quận 8 chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Liên ngành văn hóa - xã hội thành phố về các mặt công tác có liên quan.

9.2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 8: Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo trực tiếp toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 8.

9.3. Đối với các ban ngành quận 8: Ban Chỉ đạo đóng vai trò điều phối kiểm tra để nhằm tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ từng thời gian của Ban Chỉ đạo quận 8.

9.4. Đối với Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội 16 phường quận 8: hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo quận 8.

9.5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể quận 8: Ban Chỉ đạo có vai trò phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật trên lĩnh vực văn hóa thông tin - thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao.

Điều 10. Kinh phí hoạt động

Hàng năm, Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 8 dự trù kinh phí hoạt động, trình Ủy ban nhân dân quận 8 duyệt chi từ nguồn ngân sách quận. Nguồn thu các khoản nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính theo Nghị định số 56/2006/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn quận quản lý sẽ được trích trả số tiền ngân sách đã chi cho quản lý hoạt động văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

Phần dôi ra (nếu có) giao cho Ban Chỉ đạo quận 8 cân đối đầu tư - xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa ở cơ sở.

Điều 11. Cơ sở vật chất sử dụng cho hoạt động

Sử dụng phương tiện cơ sở vật chất hiện có của từng đơn vị để phục vụ cho công tác. Trường hợp cần thiết đề nghị Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân quận 8 quyết định trang bị mua sắm mới, trên cơ sở phân kinh phí thực thu trong việc xử phạt vi phạm hành chính theo tinh thần Nghị định số 56/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Căn cứ vào Quy chế này, Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 8, các Tổ công tác, các ban ngành có liên quan và Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội 16 phường quận 8 triển khai tổ chức thực hiện.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động Văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 8 đề xuất và được Ủy ban nhân dân quận 8 ban hành quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đô Lương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2007/CT-UBND

Quận 8, ngày 17 tháng 5 năm 2007

CHỈ THỊ**Về việc chấn chỉnh và chấp hành các quy định của Luật Thanh tra,
Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn quận 8**

Từ khi Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật Phòng, chống tham nhũng có hiệu lực thi hành, công tác quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn quận 8 ngày càng đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả. Các đơn vị cơ sở và Ủy ban nhân dân 16 phường có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả quan trọng trong công tác thanh, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ sở; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước tại địa phương, đơn vị.

Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn có mặt hạn chế, một số đơn vị cơ sở và Ủy ban nhân dân phường chưa thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ sở. Việc thanh tra, kiểm tra chưa được kết luận một cách cụ thể, chính xác, kết luận còn chung chung; những vi phạm qua thanh, kiểm tra; các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo và những biểu hiện có hành vi tham nhũng chưa được cấp cơ sở đề ra biện pháp xử lý, giải quyết rốt ráo hoặc chưa có đề xuất với Ủy ban nhân dân quận các giải pháp để có hướng chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị cơ sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường trong công tác quản lý Nhà nước về thanh, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ sở; Ủy ban nhân dân quận 8 chỉ thị:

1. Tập trung nghiên cứu các quy định của Luật Thanh tra; Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường cần tập trung nghiên cứu các nội dung và quy định của các Luật như:

1.1. Luật Thanh tra có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra; Quyết định số 2151/2006/QĐ-TTCP ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn Thanh tra; theo Điều 2, Chương I của Quy chế về đối tượng áp dụng “Quy chế này áp dụng đối với Đoàn Thanh tra do Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Nhà nước thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra”.

1.2. Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004 và ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn như Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo”; Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh “Về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 20/2006/CT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố.

1.3. Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ “Quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách”; Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng” và Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng”.

2. Thực hiện tốt các nguyên tắc hoạt động của công tác thanh, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng:

2.1. Về công tác thanh, kiểm tra:

- Quá trình tổ chức và hoạt động thanh, kiểm tra phải tuân thủ nguyên tắc bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; đúng nội dung, đối tượng, thời hạn ghi trong quyết định thanh, kiểm tra; không làm cản trở hoạt động

bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh, kiểm tra.

- Trong quá trình thanh, kiểm tra Trưởng Đoàn Thanh tra, Tổ trưởng Tổ kiểm tra phải tuân thủ sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của người ra quyết định thanh, kiểm tra. Người ra quyết định thanh, kiểm tra theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo hoạt động, xử lý kịp thời các kiến nghị của Đoàn Thanh tra, Tổ kiểm tra.

- Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh, kiểm tra: Thanh tra, kiểm tra vượt quá phạm vi nội dung ghi trong quyết định thanh, kiểm tra. Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với đối tượng thanh tra hoặc thực hiện các hành vi khác nhằm vụ lợi. Cố ý công bố sai sự thật; quyết định xử lý trái pháp luật, bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật. Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh, kiểm tra trong quá trình thanh, kiểm tra khi chưa có kết luận chính thức. Các hành vi khác bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2.2. Về công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường:

- Cần tăng cường các biện pháp cải cách thủ tục hành chính trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; tạo sự thống nhất trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; giảm phiền hà cho công dân, hạn chế đến mức thấp nhất việc đề hồ sơ tồn đọng; tăng cường tổ chức đối thoại công khai, dân chủ giữa các bên tranh chấp, giữa người khiếu nại với người bị khiếu nại và các bên liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

- Kịp thời củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ Hòa giải viên ở cơ sở để hướng dẫn, giúp đỡ, thuyết phục các bên tranh chấp đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau trên cơ sở pháp luật nhằm đảm bảo đoàn kết trong nội bộ nhân dân và hạn chế đến mức thấp nhất phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tố cáo từ cơ sở. Bộ trí cán bộ, công chức tiếp công dân phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, có khả năng giải thích và nắm vững chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết thay thế ngay những cán bộ, công chức không đủ phẩm chất hoặc thiếu trách nhiệm đối với công tác tiếp công dân.

2.3. Về công tác phòng, chống tham nhũng:

Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường có trách nhiệm:

- Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên;

- Cử đại diện tham gia hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi được đề nghị;

- Xem xét, giải quyết và trả lời yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng;

- Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng;

- Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc bãi bỏ văn bản pháp luật không phù hợp, làm nảy sinh tham nhũng.

3. Chấp hành các quy định quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng:

3.1. Về công tác thanh tra, kiểm tra:

Khi ban hành quyết định thành lập Đoàn Thanh tra (Tổ kiểm tra), các đơn vị cơ sở phải gửi cho cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra là Ủy ban nhân dân quận 8 và Thanh tra quận 8 các văn bản như: Quyết định thành lập Đoàn Thanh tra (Tổ kiểm tra) do Thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước ký ban hành; Kế hoạch của Đoàn Thanh tra (Tổ kiểm tra) theo những nội dung đã được xác định trong quyết định thành lập và báo cáo kết quả của Đoàn Thanh tra (Tổ kiểm tra) sau khi kết thúc, gồm các nội dung:

- Kết luận cụ thể về từng nội dung đã tiến hành thanh tra, kiểm tra;

- Xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm (nếu có);

- Những ý kiến khác nhau giữa các thành viên trong Đoàn Thanh tra (Tổ kiểm tra) về nội dung báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra (nếu có);

- Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng và kiến nghị cấp trên biện pháp xử lý.

3.2. Về công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phải thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức

thực hiện tốt quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại có hiệu lực pháp luật của Trung ương, Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp.

3.3. Về công tác phòng, chống tham nhũng:

- Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường phải thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định trong công tác quản lý Nhà nước về phòng, chống tham nhũng và gửi về Thường trực Tổ Chỉ đạo Chống tham nhũng quận (Thanh tra quận 8) theo đúng thời gian quy định.

- Trong trường hợp phát hiện có hành vi tham nhũng qua kết quả thanh tra, kiểm tra thì cần nêu rõ trách nhiệm của người có hành vi tham nhũng theo các mức độ: Yếu kém về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ; thiếu trách nhiệm trong quản lý; bao che cho hành vi tham nhũng.

4. Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng:

- Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về thanh tra, kiểm tra; công tác xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng phải đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác và có biện pháp phù hợp để kịp thời ngăn ngừa, chấn chỉnh, uốn nắn các sai sót ngay từ cấp cơ sở nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, của chính quyền cơ sở.

- Đối với những vấn đề phức tạp, Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để xem xét và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có hướng chỉ đạo kịp thời.

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường căn cứ nội dung Chỉ thị này tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung nêu trên tại địa phương, đơn vị mình quản lý trong thời gian tới./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đô Lương

HUYỆN CẦN GIỜ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2007/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 09 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 74/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 121/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Nghị định số 139/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 09/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa - thông tin;

Căn cứ Quyết định số 104/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 160/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức bộ máy và ban hành quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Đội trưởng Đội quản lý trật tự đô thị huyện và Trưởng Phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn.

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn không có con dấu riêng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao, Trưởng Phòng Quản lý Đô thị, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đoàn Văn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện,
Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

1. Nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về xây dựng và trật tự đô thị, bảo đảm cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ trên các lĩnh vực nêu trên theo đúng quy định pháp luật.

2. Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và thi hành các quyết định cưỡng chế tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đã bị xử phạt hành chính nhưng không tự giác chấp hành quyết định.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ HUYỆN

Điều 2. Chức năng của Đội Quản lý trật tự đô thị

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, có chức năng giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực quy định tại khoản 2, Điều 1 của Quy chế này đúng với chính sách, luật pháp, các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Quản lý trật tự đô thị

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu như sau:

1. Giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản yêu cầu tổ chức và cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm hoặc đề xuất xử phạt hành chính trên các lĩnh vực:

a) Về quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

b) Về vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện.

c) Về trật tự lòng lề đường, vỉa hè, nơi công cộng trên địa bàn huyện.

d) Trật tự giao thông đường thủy nội địa; khai thác khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

2. Giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc phối hợp các ngành liên quan xử lý đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn huyện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định đã ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Phạm vi thi hành các quyết định hành chính gồm: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ở tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền như: đất đai, xây dựng, vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, văn hóa thông tin, điện, giao thông đường thủy nội địa, bảo vệ rừng... (trừ trường hợp có quyết định tạm đình chỉ thi hành); quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn huyện.

5. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về hoạt động của Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn và hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu.

6. Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, Đội Quản lý trật tự đô thị huyện còn thực hiện thêm một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, SỐ LƯỢNG CỦA
ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ HUYỆN

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Đội Quản lý trật tự đô thị

1. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có Đội trưởng, từ 01 đến 02 Đội phó và các thành viên:

a) Đội trưởng, Đội phó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm;

b) Đội trưởng là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác của Đội, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành về các hoạt động liên quan;

c) Đội phó là người giúp việc cho Đội trưởng, được Đội trưởng phân công phụ trách một số công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trước Đội trưởng về những phần việc được phân công phụ trách. Khi Đội trưởng đi vắng phải phân công một Đội phó thay mặt điều hành hoạt động của Đội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội trưởng:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực được giao; quyết định cưỡng chế thi hành quyết định.

b) Tổ chức thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

c) Phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức triển khai, thực hiện cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính đã có hiệu lực thi hành.

d) Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Đội đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đội, kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện những vấn đề phức tạp, phát sinh khi thi hành quyết định.

đ) Ký các văn bản liên quan chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đội theo quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội phó:

Đội phó có nhiệm vụ giúp Đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định

tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng.

4. Nhiệm vụ của các thành viên:

Chấp hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội.

Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản đình chỉ, xử lý theo quy định và tham gia triển khai thực hiện quyết định xử phạt hành chính, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

Điều 5. Số lượng thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị

a) Số lượng thành viên của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện và Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở tình hình thực tế tại địa phương đảm bảo nguyên tắc bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, ưu tiên bố trí, tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

b) Trong các đợt công tác cao điểm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thể huy động thêm lực lượng (kể cả Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn) để thực hiện nhiệm vụ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ĐỘI QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ HUYỆN

Điều 6. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo

1. Chế độ làm việc:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thực hiện thời gian làm việc theo quy định của Nhà nước và theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện.

b) Đội trưởng điều hành toàn bộ hoạt động của Đội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về hiệu quả công tác của Đội. Đội trưởng phân công công việc cho Đội phó và các thành viên.

c) Thành viên của Đội được phân công nhiệm vụ cụ thể, mặc trang phục theo quy định, có bảng tên đặt tại bàn làm việc đồng thời phải đeo thẻ thành viên Đội khi thi hành nhiệm vụ.

d) Từng thành viên phải có tác phong làm việc tận tụy, thái độ lịch sự, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Đội, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân trong quan hệ công tác.

2. Chế độ hội họp, báo cáo:

a) Đội trưởng Đội Quản lý trật tự đô thị huyện hàng tuần tổ chức họp Đội để kiểm tra, đánh giá, nhận xét thực hiện công việc tuần qua và triển khai nhiệm vụ tuần tới. Hàng tháng tổ chức giao ban với các Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và phổ biến các chủ trương, kế hoạch, biện pháp mới của Nhà nước và Ủy ban nhân dân huyện nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Khi cần, Đội trưởng có thể tổ chức họp Đội đột xuất hoặc họp với các Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn để triển khai các công việc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

b) Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Đội báo cáo sơ - tổng kết công tác và thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính đối với Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với các sở - ngành thành phố liên quan:

Đội chịu sự thanh tra, kiểm tra của các sở - ngành về chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của Giám đốc Sở; được hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và chính sách, quy định mới của sở - ngành có liên quan; phối hợp với tổ chức thanh tra xây dựng thành phố trong công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Đội trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện và phải thường xuyên báo cáo với Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với phòng, ban thuộc huyện:

a) Các phòng, ban chức năng có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về vệ sinh môi trường, quản lý bảo vệ rừng, quản lý trật tự xây dựng, đất đai, về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn, quy hoạch dịch vụ văn hóa, kế hoạch sử dụng điện trên địa bàn huyện, nhằm tạo điều kiện giúp Đội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Đội hoạt động có hiệu quả.

5. Đối với Công an huyện:

Đội Quản lý trật tự đô thị phối hợp với Đội Cảnh sát bảo vệ, hỗ trợ tư pháp, nhà tạm giữ Công an huyện thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

Được Công an huyện hỗ trợ, bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự trong khi thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội huyện:

a) Đội Quản lý trật tự đô thị thường xuyên phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức xã hội huyện trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan đến nhiệm vụ của Đội Quản lý trật tự đô thị.

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Đội, Đội trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

7. Đối với các ngành liên quan khác của huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Trong phối hợp giải quyết công việc, nếu có ý kiến khác nhau mà sau khi trao đổi, bàn bạc chưa thống nhất được những vấn đề quan trọng, Đội trưởng phải báo cáo kịp thời để Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

8. Đối với Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn:

Đội Quản lý trật tự đô thị huyện hướng dẫn, tập huấn, trao đổi về nghiệp vụ liên quan đối với Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn; phối hợp tổ chức kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền trên địa bàn xã, thị trấn.

Chương V

TỔ QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ XÃ, THỊ TRẤN

Điều 8. Tổ chức của Tổ Quản lý trật tự đô thị

1. Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức,

chỉ đạo và quản lý trực tiếp. Tổ có Tổ trưởng, 01 Tổ phó và một số thành viên.

2. Số lượng thành viên Tổ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đề xuất Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở đảm bảo trật tự đô thị, trật tự xây dựng trên địa bàn.

Trong các đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có thể huy động thêm lực lượng theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn

Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn có nhiệm vụ:

1. Giúp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản, yêu cầu tổ chức và cá nhân chấm dứt ngay các hành vi vi phạm trên lĩnh vực liên quan, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo dõi việc thực hiện các quyết định xử phạt. Trong trường hợp tổ chức và cá nhân không tự giác chấp hành, Tổ trưởng phải đề xuất tổ chức cưỡng chế thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan giải quyết đối với người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn xã, thị trấn theo Quyết định số 104/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giúp Ủy ban nhân dân xã, thị trấn lập hồ sơ ban đầu về vi phạm hành chính trên lĩnh vực trật tự đô thị, đất đai, vệ sinh môi trường, trật tự lòng lề đường, vỉa hè, nơi công cộng và chuyển hồ sơ về Đội Quản lý trật tự đô thị huyện đối với các hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

4. Thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về:

a) Phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực liên quan theo đúng quy định.

b) Trong việc áp dụng các hình thức phạt bổ sung của quyết định xử lý vi phạm hành chính: Tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc công dân; buộc tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần công trình xây dựng vi phạm, công trình xây dựng không giấy phép.

c) Phối hợp thi hành các quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

5. Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn hoạt động độc lập nhưng có sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng:

a) Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ, đảm bảo hoạt động của Tổ theo đúng quy định của pháp luật và quy chế về tổ chức và hoạt động; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn những vấn đề phức tạp, phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể xã, thị trấn, Trưởng Khu phố (ấp), Tổ trưởng Tổ nhân dân vận động người vi phạm tự giác thực hiện, trong trường hợp người vi phạm không chấp hành phải đề xuất thủ tục tiếp theo để cưỡng chế thi hành quyết định.

c) Hàng tháng dự họp giao ban với Đội Quản lý trật tự đô thị huyện báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và tiếp nhận kế hoạch, phương hướng công tác tháng tới làm cơ sở xây dựng kế hoạch công tác của Tổ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ phó:

Tổ phó có nhiệm vụ giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Nhiệm vụ của các thành viên:

Chấp hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Tổ;

Kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản và tham gia triển khai thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Thành viên Tổ được cử đi tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức pháp luật do thành phố, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức.

Điều 11. Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo**1. Chế độ làm việc:**

a) Thời gian làm việc của Tổ thực hiện theo quy định của Nhà nước và quy định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

b) Thành viên của Tổ được phân công nhiệm vụ cụ thể, đồng thời phải mặc trang phục, đội mũ và đeo thẻ khi thi hành nhiệm vụ.

c) Từng thành viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Tổ, của đồng nghiệp, của tổ chức và nhân dân đến liên hệ công tác.

2. Chế độ hội họp:

Tổ trưởng Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn hàng tuần tổ chức họp Tổ để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác tuần qua, đề ra và phân công công tác tuần tới cho các thành viên, đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan, các biện pháp thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Đội Quản lý trật tự đô thị huyện cho phù hợp tình hình mới phát sinh tại địa phương.

Tổ có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

3. Chế độ báo cáo:

Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Tổ báo cáo công tác và thống kê tình hình tổ chức thực hiện các quyết định hành chính cho Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và Đội Quản lý trật tự đô thị huyện.

Điều 12. Mọi quan hệ công tác

Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Đội Quản lý trật tự đô thị huyện:

Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện mối quan hệ phối hợp với Đội Quản lý trật tự đô thị huyện trong việc cưỡng chế thi hành quyết định buộc tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn xã, thị trấn.

Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn được sự hướng dẫn nghiệp vụ và tập huấn của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn. Tổ trưởng trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Công an xã, thị trấn:

Tổ phối hợp với Công an xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ lập lại trật tự đô thị gắn với an toàn giao thông trên địa bàn xã, thị trấn theo quy định và theo chương trình, kế hoạch công tác khác của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, ngành khác thuộc xã, thị trấn:

Tổ có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ công tác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi các tổ chức nói trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổ, Tổ trưởng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn giải quyết.

5. Đối với cán bộ công chức phụ trách địa chính xã, thị trấn:

Có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu quy định về xây dựng, quy hoạch, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn nhằm tạo điều kiện giúp Tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương VI KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Kinh phí hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn: Chế độ phụ cấp cho các thành viên (theo hình thức hợp đồng khoán việc); trang bị phương tiện, trang phục; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khen thưởng, Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nguồn thu phạt về lĩnh vực quản lý trật tự đô thị tại huyện, xã - thị trấn và khả năng cân đối ngân sách của huyện để quyết định theo khung quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Đội Quản lý trật tự đô thị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Tổ Quản lý trật tự đô thị xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức thuộc huyện, cán bộ, công chức có liên quan ở xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện, giao Đội trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn báo cáo sơ kết việc thực hiện Quy chế, rút kinh nghiệm những mặt làm được, chưa làm được, đề xuất những vấn đề mới phát sinh theo yêu cầu nhiệm vụ; giao Phòng Nội vụ theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Đoàn Văn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2007/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 14 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 4365/QĐ-UB-NCVX ngày 18 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trung tâm Văn hóa trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 49/2005/QĐ-BVHTT ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức bộ máy và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thông tin cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Văn hóa huyện tại Tờ trình số 18/TT-TTVH ngày 05 tháng 3 năm 2007 và Trưởng Phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Giám đốc Trung tâm Văn hóa huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Đoàn Văn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Chức năng

Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ là đơn vị sự nghiệp; chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện và chịu sự quản lý Nhà nước theo ngành của Sở Văn hóa và Thông tin thành phố.

Trung tâm Văn hóa huyện có chức năng tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương; tuyên truyền cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa - thông tin cơ sở; tổ chức các hoạt động dịch vụ công về văn hóa - thông tin.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện và kế hoạch hoạt động của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện, xây dựng kế hoạch hoạt động ngắn hạn, dài hạn và tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của huyện.

Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, chiếu phim, thông tin lưu động, vui chơi giải trí, đội nhóm câu lạc bộ, lớp năng khiếu, kỹ năng ngành nghề và các loại hình hoạt động khác phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, giao lưu, lưu diễn, lễ hội truyền thống. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp công tác cho những người làm công tác văn hóa thông tin ở xã, thị trấn theo kế hoạch của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao.

Biên tập, xuất bản và phát hành các bản tin thường kỳ, tổ chức quản lý thu và phát sóng trên toàn huyện các chương trình thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách sách pháp luật của Nhà nước, hoạt động đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện.

Biên soạn, xuất bản và phát hành các tài liệu phục vụ cho công tác nghiệp vụ chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức các dịch vụ văn hóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện theo đúng pháp luật quy định.

Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động của Trung tâm với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện và các cơ quan quản lý văn hóa, thông tin theo quy định;

Quản lý tổ chức, cán bộ công chức, tài chính và tài sản của đơn vị theo quy định của cấp có thẩm quyền; được ký kết hợp đồng lao động và quản lý lao động theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện và Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện giao.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Trung tâm Văn hóa do Giám đốc phụ trách và có các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc. Trung tâm Văn hóa làm việc theo chế độ Thủ trưởng.

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu Trung tâm chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về hoạt động của Trung tâm và thực hiện nhiệm vụ được giao.

- **Phó Giám đốc Thường trực:** Là người giúp Giám đốc điều hành đơn vị, được Giám đốc ủy quyền trực tiếp điều hành và giải quyết công việc của Trung tâm khi Giám đốc vắng mặt. Phụ trách trực tiếp tổ chức nhân sự, hành chính quản trị và dịch vụ, thư viện, bảo tồn và quản lý di tích.

- **Phó Giám đốc:** Phụ trách trực tiếp bộ phận Bản tin - Đài Truyền thanh.

- **Phó Giám đốc:** Phụ trách trực tiếp bộ phận văn hóa văn nghệ quần chúng, thông tin cổ động.

Ban Giám đốc phải được đào tạo chuyên ngành quản lý văn hóa hay các chuyên ngành nghệ thuật khác, được bồi dưỡng về quản lý hành chính Nhà nước, có trình độ trung cấp Lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên.

Điều 4. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận nghiệp vụ

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm, Giám đốc chỉ đạo, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy các bộ phận nghiệp vụ, xác định nhiệm vụ tương ứng với các chức danh, bố trí cán bộ, viên chức cho các tổ, bộ phận phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao. Các cán bộ, viên chức chịu trách nhiệm với chức danh được phân công.

4.1. Bộ phận văn hóa văn nghệ quần chúng: Có nhiệm vụ nghiên cứu nhu cầu và tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, lễ hội truyền thống; xây dựng các loại hình nghệ thuật quần chúng, các đội nhóm sở thích câu lạc bộ, các lớp bồi dưỡng năng khiếu, nghiệp vụ; biên soạn, in ấn tài liệu nghiệp vụ, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ tổ chức hoạt động phong trào văn nghệ quần chúng cho ban ngành, đoàn thể và cơ sở xã, thị trấn; thực hiện các dịch vụ thu sự nghiệp theo yêu cầu của đơn vị; tổ chức hoạt động thư viện và thực hiện công tác bảo tồn, quản lý di tích trên địa bàn huyện.

4.2. Bộ phận Đài Truyền thanh - Bản tin Cần Giờ: Có nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền vận động trên Đài Truyền thanh và Bản tin Cần Giờ về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; hoạt động đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của Thành phố và Huyện. Theo dõi, kiểm tra đôn đốc các xã, thị trấn đảm bảo thường xuyên hoạt động của hệ thống phát thanh từ huyện đến xã, thị trấn, ấp, khu phố; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống Đài Truyền thanh và nâng cao chất lượng nội dung Bản tin Cần Giờ; tổ chức hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ viên chức, cộng tác viên Đài Truyền thanh và biên tập tin ở các xã, thị trấn.

4.3. Đội thông tin cổ động: Có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động tại chỗ và lưu động về thông tin tuyên truyền và cổ động, triển lãm bằng các hình thức như panô, băng rôn, cờ, khẩu hiệu, xe hoa, xe loa, chiếu phim, văn nghệ... Biên soạn, in ấn tài liệu nghiệp vụ và tổ chức hướng dẫn thông tin cổ động cho tuyên truyền viên cơ sở; thực hiện các dịch vụ công ích và thu sự nghiệp theo yêu cầu của đơn vị.

4.4. Bộ phận Thư viện: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn, ngắn hạn của Thư viện và tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan chủ quản phê duyệt; Tổ chức phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho người đọc sử dụng vốn tài liệu Thư viện; Tổ chức các hình thức phục vụ, mở cửa Thư viện theo ngày giờ nhất định phù hợp với điều kiện công tác, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân địa phương, không đặt ra các quy định làm hạn chế quyền sử dụng Thư viện của người đọc; Xây dựng vốn tài liệu phù hợp với trình độ, nhu cầu của nhân dân, với đặc điểm và yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện; Tham gia xây dựng và phát triển mạng lưới Thư viện, phòng đọc sách, hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện, phòng đọc sách trên địa bàn huyện.

4.5. Bộ phận hành chính quản trị - dịch vụ: Có nhiệm vụ quản trị hành chính, văn thư lưu trữ, quản lý tài sản và cung ứng vật tư, trang thiết bị cho hoạt động của Trung tâm. Xây dựng kế hoạch tài chính, thanh quyết toán ngân sách thu chi; thực hiện thống kê, báo cáo hoạt động của Trung tâm theo định kỳ tuần/tháng/quý/năm cho các cấp chủ quản của đơn vị. Khai thác, tổ chức thực hiện các dịch vụ và nguồn thu sự nghiệp theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế

Biên chế của Trung tâm Văn hóa được Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định giao biên chế trong chỉ tiêu sự nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Chương III CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

Điều 6. Tài chính của Trung tâm

1. Nguồn tài chính:

1.1. Ngân sách Nhà nước cấp:

- Kinh phí đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được giao.
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao.
- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị ứng dụng công nghệ phục vụ hoạt động sự nghiệp theo kế hoạch năm.

1.2. Nguồn thu từ các hoạt động nghiệp vụ:

- Thu sự nghiệp từ hoạt động nghiệp vụ (biểu diễn nghệ thuật, tổ chức liên hoan - hội diễn, vui chơi giải trí, trang trí cổ động, triển lãm...).

- Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật như dịch vụ, tài trợ, quảng cáo...(nếu có).

2. Chi sự nghiệp:

- Lương, các khoản phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... cho cán bộ, viên chức và người lao động của Trung tâm.

- Chi quản lý hành chính: vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng, thông tin liên lạc, công tác phí...

- Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn.

- Chi các hoạt động có thu phí sự nghiệp.

- Chi đầu tư phát triển cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế quản lý tài chính:

Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ thực hiện việc quản lý tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ có trách nhiệm quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính và thực hiện chế độ kế toán tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện; Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, kế hoạch hoạt động định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân theo quy định, tham dự đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân huyện triệu tập. Thực hiện đúng chế độ báo cáo và chấp hành nghiêm các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện liên quan đến Trung tâm Văn hóa.

2. Đối với Ban Tuyên giáo Huyện ủy:

Giám đốc Trung tâm Văn hóa có trách nhiệm tiếp nhận sự chỉ đạo và định hướng tuyên truyền của Ban Tuyên giáo, báo cáo tình hình thực hiện công tác tuyên truyền và kế hoạch tuyên truyền định kỳ, đột xuất theo quy định.

3. Đối với Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện:

Trung tâm Văn hóa huyện Cần Giờ chịu sự quản lý Nhà nước của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao huyện.

4. Đối với thiết chế văn hóa - thông tin các cấp:

Trung tâm Văn hóa huyện chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các thiết chế văn hóa - thông tin của Sở Văn hóa và Thông tin và Trung tâm Văn hóa thành phố.

Trung tâm Văn hóa huyện thực hiện hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động văn hóa thông tin ở các xã, thị trấn; thực hiện quan hệ phối hợp công tác đối với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Trung tâm Văn hóa huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Trung tâm trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ huyện đề xuất Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Đoàn Văn Thanh

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng